

Nước Mắt Biển Đông



Biển Ôi, Trả Cho Ta ... Xác Con Thơ

- Trên Đường Tìm Tự Do

Sau nhiều lần tổ chức vượt biên không thành, cuối cùng tôi được anh Nguyễn Duy Chính giới thiệu tôi với anh Đỗ Thanh Tròn. Gặp được người cùng tư tưởng anh Tròn mừng lắm. Anh Tròn mua được chiếc thuyền chạy trên sông của một dân chài tên Sáu Lá. Chiếc thuyền này dài 9m, rộng 2m50. Tôi không hiểu ai giới thiệu anh Tròn quen một xưởng mộc chuyên đóng tàu, xưởng trên bờ kinh xã Lương Hòa thuộc tỉnh Long An.

Chiếc thuyền được đưa đến xưởng mộc này nhờ tu bổ. Nhóm của chúng tôi gồm có gia đình anh Đỗ Thanh Tròn, hai vợ chồng và năm đứa con nhỏ, anh Nguyễn Duy Chính và tôi. Năm đứa con nhỏ của anh Tròn tôi không nhớ rõ tên, tôi chỉ biết chị Tròn tên Phó Thị Gương. Như vậy nhóm chúng tôi gồm có 9 người. Gần đến ngày khởi hành thêm anh Nguyễn Duy Xuân, chú ruột anh Nguyễn Duy Chính, vượt ngục từ trại cải tạo về tham dự. Như vậy nhóm của chúng tôi vừa tròn 10 người, bốn đàn ông, một đàn bà và năm trẻ nhỏ.

Chúng tôi đều cư ngụ tại Sài Gòn. Ngoài chiếc thuyền mua của anh Sáu Lá. Anh Tròn còn có một chiếc thuyền nhỏ Gọi là taxi. Chiếc taxi này dùng để chạy đi chạy lại liên lạc từ bến Hàm Tử đến Lương Hòa, chuẩn bị xăng, dầu, dụng cụ, lương thực...cho cuộc ra đi. Trong thời gian di chuyển trên sông chúng tôi đều dùng giấy tờ giả.

Ngày 11 -6-1979, anh Tròn cùng anh Sáu Lá và tôi dùng chiếc thuyền taxi giả dạng dân chài đi đánh cá để tìm đường ra biển. Hồi 6 giờ chiều cùng ngày chúng tôi ra đến Cửa Đại thuộc Vàm Láng, gặp công an biên phòng vẫy vào.

Trong lúc đó tụi công an đang bắt giữ một chiếc tàu lớn, trên tàu lộ nhỏ đàn bà con nít rất đông. Chúng tôi bị công an hỏi giấy tờ, khám xét thuyền, hạnh hợ đủ điều

rồi sau đó cho chúng tôi đi. Thoát nạn, chúng tôi mở máy cho thuyền chạy ra biển đánh cá. Quay đầu lại nhìn lá cờ đỏ màu máu tôi không khỏi rùng mình .

Ra khơi, chúng tôi tập sự quăng lưới đánh cá. Mấy tiếng đồng hồ chúng tôi kéo lưới mệt phờ người mà không được con cá nào. Hôm sau chúng tôi trở về. Tránh đồn công an bên bờ này, chúng tôi đi sát bờ bên kia. Nhưng bên bờ kia cũng như bên bờ này đều có đồn công an kiểm soát. Trở về, chúng tôi chỉ bị xét giấy qua loa chứ không bị hạch hỏi lời thôi lắm. Năm vững tình hình hai bên bờ Cửa Đại đều có tụi chó săn canh phòng, anh Tròn khoái trí nói “Đêm tối, ra biển chúng ta cứ đi ra giữa biển cả là yên chí và chắc ăn nhất”

Về Sài Gòn, chúng tôi họp nhau quyết định khởi hành từ Lương Hòa hồi 5 giờ chiều ngày 15-6-1979. chúng tôi không có thì giờ theo dõi tin tức khí tượng. Chúng tôi, người là công chức, người là giáo chức, người là quân nhân. Không ai có một chút gì về kinh nghiệm đi biển, không ai có chút gì hiểu biết về máy tàu. Chúng tôi là bọn người điếc không sợ súng.

Buổi sáng ngày khởi hành, mười người trong bọn chúng tôi có mặt đông đủ trên chiếc thuyền định mệnh. Thuyền của chúng tôi chạy bằng máy Yamaha F10 và trang bị thêm một máy đuôi tôm. Suốt cả buổi sáng bận rộn nhưng chỉnh lại các hệ thống máy móc, hệ thống bơm nước, trữ nước ngọt trên thuyền, bơm mấy cái ruột xe làm phao...Chương trình khởi hành hồi 5 giờ chiều. Nửa đêm thuyền tới cửa biển là tốt nhất.

Đúng giờ khởi hành, anh Tròn mở máy không chạy. Cả bốn người đàn ông cùng xúm lại hết tháo cái nọ mở cái kia, nhưng máy vẫn không nhúc nhích. Cầu cứu mấy người thợ mộc cũng chẳng ai biết gì về máy tàu. Trời tối. Anh Chính đành phải về Sài Gòn đón thợ máy xuống. Ông thợ máy, chúng tôi thường gọi là ông Thà, chú họ anh Chính, đối với chúng tôi rất tốt.

Chúng tôi chờ thợ máy chả khác nào bệnh nhân đang cơn ngặt nghèo chờ thầy thuốc. Mãi đến 9 giờ đêm anh Chính với ông Thà mới đến. Ông Thà mở con heo dầu, lau sạch sẽ, rồi ráp vô. Công việc rất giản dị, dễ dàng, chỉ vài phút là xong. Sau đó máy nổ ròn. Nghe tiếng máy nổ chúng tôi vui mừng còn hơn nghe pháo Tết.

Đúng 12 giờ đêm thuyền nhỏ sào. Hai bên bờ rạch dừ nước mọc um tùm. Thuyền của chúng tôi như con cá sấu luồn trong bụi cây rập rập từ rạch ra sông. Chúng tôi dự tính đi lòng vòng đánh cá trên sông, chờ nửa đêm 16-6 ra biển. Suốt ngày anh Tròn cho thuyền chạy trên nhiều con sông tôi không nhớ hết tên. Gặp những khúc sông vắng chúng tôi quăng lưới đánh cá. Chúng tôi bơi lội cho thỏa thích. Anh Chính và tôi lặn xuống lòng sông bóc được mấy nắm đất bùn. Chúng tôi lấy bao nylon gói nắm đất quê hương mang theo đến chân trời xa lạ.

Hồi 4 giờ chiều ngày 16-6, chúng tôi đi trên Vàm Kỳ Ôn. Gặp chiếc ghe bán đồ ăn chúng tôi vẫy lại. Trên ghe có nhiều đồ ăn như dưa tươi, lạp xưởng, khô mực, bánh kẹo, thuốc lá...Có bao nhiêu chúng tôi mua hết. Chúng tôi muốn xài hết những đồng tiền của chế độ mà chúng tôi ghê tởm. Trúng mỗi, cô bán hàng cười như hoa. Bất thần, cô hỏi:

– Các anh đi bao giờ về?

Chúng tôi chột dạ nhìn nhau. Anh Tròn nhanh trí trả lời:

– Chúng tôi đi đánh cá ít ngày rồi trở về.

Nói rồi, anh Tròn nháy mắt nhắc anh em:

– Chúng ta đi là vừa.

Con thuyền của chúng tôi vừa đi được một phút thì thuyền công an đuổi theo. Anh Xuân cầm lái. Anh Tròn hỏi thúc:

– Mở hết ga! Chạy hết tốc lực!

Thuyền của chúng tôi lao vun vút trên Vàm Kỳ Ôn. Thuyền công an phóng vun vút đuổi theo. Gặp những ghe nhỏ tránh tránh muốn đắm. Bà con văng tục chửi thề om xòm. Ra đến sông Tiền thay vì queo trái ra biển, chúng tôi chạy thẳng lên Mỹ Tho đánh lạc hướng bọn chó săn. Tiền Giang rộng mênh mông, thuyền xuôi ngược khá nhiều. Trời nhá nhem tối. Thế là chúng tôi thoát khỏi cuộc rượt đuổi. Hú vía! Nếu chúng tôi bị bắt trên Vàm Kỳ Ôn thật là lãng nhách.

Chừng 8 giờ tối, Anh Tròn bảo anh Xuân cho thuyền rẽ về trái, tìm đường ra biển. Vào khoảng 10 giờ đêm chúng tôi thả neo gần Cồn Phụng, miền đất của ông đạo Dừa. Anh Tròn bàn tính:

– Ra cửa biển chúng ta phải phóng hết tốc lực mới thoát được.

Anh Chính góp ý:

– Như vậy chúng ta phải cho máy đuôi tôm chạy phụ với máy lớn.

– Đúng lắm.

Nói rồi anh Tròn lấy tay quay mở máy đuôi tôm. Anh quay cả chục lần máy không nổ. Mở máy ra thấy bên trong đầy bùn đất. Anh Tròn cần nhả bọn thợ mộc làm ẩu, đánh rớt máy xuống sông rồi cứ để y nguyên như vậy ráp lên thuyền. Anh Tròn cũng tự trách mình ý i máy mới không chịu chạy thử. Chúng tôi rọi đèn pin, mở máy lau bùn đất.

Trong khi chúng tôi sửa máy, tàu công an tuần tiễu đi qua. Chúng chỉ liếc nhìn chứ không ngừng lại. Hú vía! Lau máy sạch rồi, hết anh tròn đến anh Xuân, anh Chính quay máy vẫn không nổ. Máy đuôi tôm loại lớn nên quay khá nặng. Tôi nín thở, dùng hết sức quay, máy nổ được vài cái rồi tắt. Thấy tôi có sức khỏe tương đối hơn anh em một chút nên anh em khuyến khích tôi cố gắng thêm lần nữa xem sao. Nghỉ vài phút lấy lại sức, tôi cố gắng quay lần nữa. Máy nổ Bịch...Bịch!...vài cái rồi im lặng. Tôi cố gắng quay thêm vài lần nữa không kết quả. Máy đuôi tôm đánh bỏ không sử dụng.

Sông nước đen ngòm. Xa xa vài ánh đèn leo lét của ghe thuyền qua lại. Thuyền của chúng tôi đậu gần bờ, bên cạnh những bụi cây đen thẫm bí hiểm. Đặc biệt có vài bụi cây rất nhiều đom đóm, tưởng như mỗi cái lá có một hai con đom đóm khiến cây rực sáng. Những cây này giống như những cây thông không lò trang trí đèn màu trong đêm Noel.

Máy đuôi tôm không chạy. Chúng tôi chỉ có một máy Yamaha F10. Theo kinh nghiệm trong chuyến đi dò đường, anh Tròn bảo anh Xuân lái thuyền giữa sông và chạy thẳng ra giữa bờ biển

Thuyền không đột đèn. Máy nổ khá lớn. Đêm khuya thanh vắng tiếng máy nổ càng lớn hơn. Trông ngực chúng tôi cũng hòa nhịp cùng với máy nổ. Thuyền đang chạy ngon trớn, bất thần khựng lại. Anh Tròn hét lên:

– Tắt máy! Thuyền mắc cạn!

– Nguy rồi!

Anh Xuân kêu lên, đồng thời tắt máy. Mọi người ngơ ngác, nhón nhác.

Tôi nhảy xuống mực nước chưa tới bụng. Trăng hạ tuần nhô lên, tuy ánh trăng không sáng lắm nhưng cũng soi rõ chiếc thuyền của chúng tôi đậu lù lù giữa biển rộng

mênh mông. Đèn pha từ đèn công an phóng ra, nhưng không nghe tiếng máy nổ nên không lo lắng. Anh Tròn bảo tất cả mọi người nhảy xuống đẩy thuyền. Còn anh đứng ở mũi thuyền dùng sào đẩy phụ.

Còn cát mịn, cứng phẳng như xa lộ. Chúng tôi ghé chân chèo dùng hết sức đẩy thuyền. Tay đẩy thuyền nhưng mắt vẫn không rời ngọn đèn pha từ đèn công an. Đẩy thuyền đi đến hơn 500m mới thấy mực nước sâu dần. Anh Tròn kêu mọi người lên thuyền và nổ máy tiếp tục chạy. Gió biển đêm khuya mát rượi, mọi người khoan khoái hít căng lồng ngực.

Yêu quê hương nhưng tôi mong xa quê hương, xa bờ biển sớm chừng nào đỡ lo chừng ấy. Hai tư tưởng trái ngược trong ý nghĩ khiến tôi buồn ray rứt. Nhìn những bụi cây cứ nhỏ dần, mờ dần, tôi không khỏi nghẹn ngào rơi lệ. Gạt nước mắt, tôi thì thầm “ Quê hương ơi! Xin chào tạm biệt!” Tôi không dám nghĩ đến hai chữ “Vĩnh Biệt”. Hai chữ “tạm biệt” vừa thốt ra khiến cho tim tôi se lại, lòng tôi thổn thức, hai hàng nước mắt rùng rùng.

Đến 12 giờ trưa, thuyền đã đi được một đoạn đường khá dài. Nhìn lại, tôi không thấy bến bờ quê hương đâu nữa. Chúng tôi thả neo, thuyền tạm ngừng để thay chân vịt. Vì dụng cụ còn cát nên chân vịt bị cong bắt buộc phải thay. Việc làm này nếu ở trên sông hay trên bờ biển có đất đứng thì dễ. Còn chỗ biển sâu tôi phải vừa bơi vừa ôm chân vịt ráp vô nên hết sức khó khăn. Loay hoay hơn tiếng đồng hồ không ráp xong chân vịt tôi đâm lo. Lúc ráp được chân vịt tôi thở phào.

Mừng quá! Chúng tôi gói cái ống nhôm và cái hải bàn trong mấy lớp bao nylon rồi giấu dưới hầm máy, giờ mới dám lấy ra. Gói kỹ như vậy không ngờ nước vẫn vô. Ống nhôm hư hoàn toàn. Hải bàn còn dùng được. Dưới hầm máy nước lên đến bụng. Anh Tròn mở máy bơm nước nhưng máy bị hư. Anh Tròn phân công anh Xuân và anh Tròn thay nhau lái thuyền. Anh Chính coi hải bàn, hải đồ nhắm hướng. Còn tôi tát nước. Gàu múc nước là cái mũ sắt nhà binh cũ. Còn chị Tròn trông nom lũ con nhỏ ở caibin. Việc tát nước vô cùng vất vả, cứ tát cạn thì hai phút sau mực nước phòng máy lại đầy như cũ.

Suốt ngày nắng đẹp. Biển tốt.

Sáu giờ chiều. Bỗng nhiên bầu trời mây kéo đến bao phủ phút chốc tối đen. Gió nổi lên mỗi lúc mỗi mạnh hơn rồi biến thành bão. Trời tối thật nhanh. Nhìn chung quanh không một ánh đèn. Anh Tròn bảo anh Xuân cho thuyền chạy theo sóng. Tôi thầm phục anh Tròn. Thuyền quá nhỏ nếu chạy ngược song sẽ bị lật mất.

Tôi tát nước mỗi rời cả tay. Tôi kêu một bạn nào xuống hầm máy thay tôi. Nhưng anh Tròn, Xuân và Chính cả ba đều không chịu được mùi dầu máy, các anh cứ xuống hầm máy là khó chịu nôn mửa. Công việc tát nước của tôi không ai thay thế. Để quên mệt nhọc tôi vừa tát vừa nhắm đém. Mỗi tay múc 50 gàu rồi lại đổi tay kia. Dần dần quá mệt mỗi tay tôi chỉ múc được 30 gàu rồi 20 gàu đã phải đổi.

Đêm hãi hùng bão tố trôi qua. Ngày hôm sau gió vẫn tiếp tục thổi mạnh. Màu nước tím đen. Biển chỗ đó chắc là sâu lắm. Thuyền vẫn tiếp tục lướt theo sóng. Khi thuyền leo lên đỉnh sóng tôi thấy bốn bề như những dãy núi trùng trùng điệp điệp đến chân trời vô tận. Thuyền lao xuống chân sóng, tôi có cảm tưởng đang trong thung lũng nước tím đen.

Bất thần thuyền nghiêng. Hải bàn bị ném xuống. Từ đó chúng tôi không định được hướng nữa.

Bão cứ thổi liên tiếp hết ngày đến đêm, hết đêm sang ngày. Sau này tôi mới hiểu thuyền đi theo sóng là đuổi theo cơn bão. Nếu thuyền đi ngược song hoặc chéo song thì gió sẽ nhẹ dần.

Tôi tát nước suốt ngày đêm không dám nghỉ đến một phút. Hai cánh tay tôi mỏi ròi, hai bàn tay tôi sưng mà vẫn phải làm việc như cái máy.

Thuyền thử thách với bão tố ba ngày đêm. Mãi đến đêm 18 tháng 6 chúng tôi mới gặp một tàu lớn. Tàu dài như dãy nhà lầu, Tàu ba, bốn tầng đèn sang trưng. Thấy tàu đậu, chúng tôi mừng khôn xiết, con tàu khổng lồ ngăn sóng. Hai bên sườn tàu mặt biển phẳng lặng như mặt hồ. Chúng tôi chớp đèn, kêu cứu. Con tàu phớt tỉnh rồi từ từ rẽ sóng ra đi. Thất vọng, chúng tôi buồn chán vô cùng.

Sang ngày 19 tháng 6 các thùng xăng trong hầm máy đổ ngổn ngang. Vì quá mệt mỏi và tuyệt vọng nên không ai lái tàu nữa. Chín bạn đồng hành nằm ngủ mê mệt. Tôi có cảm tưởng mọi người nằm ngủ để chờ chết. Tôi cũng quá mệt nhưng không dám ngủ, vì tôi chỉ ngừng tay tát nước là phòng máy ngập liền.

Trong lúc chờ đợi sự chết tôi không sợ hãi chút nào. Điều ao ước cuối cùng của tôi là được mặc một bộ quần áo khô ráo, nằm trên giường, nhìn thân nhân một lần cuối trước khi từ giã cõi đời, thế là tôi hài lòng, mãn nguyện lắm rồi. Mọi người ngủ ngon lành, say sưa. Chỉ có một mình tôi cố gắng kéo dài sự sống của con thuyền được giờ nào quý giờ đó.

Đau lưng vô cùng, tay mỏi rã rời, tôi thả cái nón sắt xuống khoang thuyền, đứng thẳng người vờn vai cho giãn cốt. Phóng tầm mắt nhìn chung quanh tôi vô cùng sung sướng thấy cột buồm nhô lên đàng xa. Tôi hét lên đánh thức mọi người “Dậy mau lên! Có tàu lớn tới! Có tàu lớn tới!” Mọi người lồm cồm ngồi dậy, mắt nhắm mắt mở, hỏi dồn:

– Đâu? Tàu đâu? Tàu đâu?

– Kia kìa !

Nhìn theo tay tôi chỉ, ai nấy đều mừng hớn hở. Anh Tròn cầm áo trắng vẫy lia lịa. Anh Xuân đề máy rồi thẳng hướng cột buồm phóng tới. Tôi lại tiếp tục công việc cố định tát nước và tát nước. Bây giờ tôi làm việc hào hứng và quên cả mệt mỏi. Tuy cặm cụi làm việc nhưng tôi không quên ngắm cái cột buồm đáng yêu cứ mỗi lúc lại gần con thuyền của chúng tôi. Rõ ràng là tàu đang đậu. Nửa giờ sau chúng tôi đã đến con tàu đáng yêu. Con tàu rất lớn. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau tin tưởng, mừng rỡ. Nhưng hỡi ơi! Khi thuyền chúng tôi đến bên hông con thuyền vĩ đại thì nó từ từ rẽ sóng phóng đi. Họ cố tình làm lơ, mặc dù chúng tôi kêu cứu đến khan cả tiếng. Thất vọng ê chề, ai nấy buồn rữ. Không còn hứng thú làm việc, tôi buông rơi cái mũ sắt xuống khoang thuyền.

Đang thất vọng chán nản bỗng có con tàu khác lừng lững tiến đến gần chúng tôi. Rút kinh nghiệm, Chúng tôi bàn nhau lái thuyền chặn đầu con tàu. Khi tới gần, thuyền chúng tôi ngừng hẳn. Thủy thủ đứng lơ nhô trên boong. Chúng tôi gào thét kêu cứu. Một thủy thủ dùng loa phóng thanh nói gì chúng tôi nghe không rõ. Sợ bị bỏ rơi lần nữa chúng tôi bàn nhau đâm thuyền vào sườn tàu. Thuyền vỡ, thế nào họ cũng phải cứu. Chúng tôi tin luật hàng hải như vậy. Chẳng hiểu có đúng không? Anh Xuân bẻ lái hỏi ý

– Tôi cho mình đâm chéo vào sườn tàu thì mình đỡ nguy hiểm hơn là đâm vào thẳng góc.

– Đúng! Đúng lắm! Ba bốn người đồng thanh nói như vậy.

Anh Tròn, anh Chính cùng đêm “Một! Hai! Ba!” Rầm! Đầu tôi gần đập vào cái mỏ neo vĩ đại! Hoảng hốt tôi nhảy xuống biển giữa sườn tàu và thuyền. Tôi lặn sâu xuống nước qua đáy con thuyền và nhô lên ở sườn bên kia. Rất may tôi lặn sâu, nếu lặn sát đáy thuyền tôi đã bị chân vịt chém làm nhiều khúc.

Lỡm bỡm bơi quanh thuyền, mãi tôi mới vớ được cái đuôi tôm nắm lấy leo lên. Mũi thuyền bẻ nát. Đúng là trúng chọi với đá. Phòng lái bay xuống biển, ván nổi lênh bênh. Tôi không có thì giờ nhìn kỹ con thuyền tang thương thâm thảm. Trên tàu thả thang dây xuống, chúng tôi kẻ trước người sau bám lấy leo lên. Năm cháu nhỏ không đủ sức leo, được ngồi trong lưới kéo lên như kéo vó bắt cá. Bọn chúng tôi được cứu sống đầy đủ mười người. Lên boong tàu tôi nhìn xuống con thuyền đã đầy nước, đang từ từ chìm. Hành trang mất hết, tôi rất tiếc. Tôi tiếc nhất năm đất quê hương. Chúng tôi được các thủy thủ tiếp đãi niềm nở, lịch sự, săn sóc chu đáo. Chúng tôi được uống cà phê, ăn bánh. Chúng tôi được tắm nước ấm và được tặng quần áo thay. Mấy cháu nhỏ bị trầy sát được băng bó cẩn thận.

Tắm xong, mặc quần áo khô ráo thơm tho tôi vô cùng khoan khoái dễ chịu. Anh em thủy thủ mời chúng tôi vào phòng ăn. Chúng tôi được ăn cơm với những món ăn quen thuộc như cánh miến, đậu xào, thịt kho, cá chiên. Bữa cơm thật ngon. Trong khi ăn, bốn người đàn ông còn được uống bia, đàn bà trẻ con được uống nước ngọt. Ăn xong chúng tôi ngồi nhâm nhi tách cà phê. Hút thuốc lá thơm.

Sau một đêm ngủ ngon lành, sáng dậy tinh thần tỉnh táo, sảng khoái. Chờ chúng tôi ăn điểm tâm xong, thuyền trưởng mới cho mời hai người đại diện nhóm chúng tôi lên văn phòng nói chuyện. Chúng tôi cử anh Xuân và anh Chính lên tiếp xúc với vị thuyền trưởng.

Chỉ một giờ sau hai anh trở về, nét mặt lo lắng, thông thả tường thuật cho chúng tôi nghe. Thuyền trưởng cho biết tàu của ông chở hàng từ Hồng Kông đi Thái Lan rồi đến Singapore. Hãng tàu ra lệnh cấm cứu người vượt biển. Trái lệnh tất cả thủy thủ đoàn sẽ bị sa thải hết. Ông nói nếu thuyền không bị vỡ, nếu không có đàn bà con nít thì mọi người không được cứu. Thuyền trưởng yêu cầu chúng tôi đừng tiết lộ tên con tàu của ông.

Hai anh đại diện năn nỉ thuyền trưởng cho chúng tôi đến bất cứ quốc gia nào trên thế giới tự do. Nguyện vọng của chúng tôi bị từ chối. Ông khẳng định không thể đưa chúng tôi đến đất liền được. Lý do tàu của ông sợ bị lộ việc cứu người vượt biển. Thuyền trưởng chỉ giúp chúng tôi bằng cách tặng một cái bè và thả chúng tôi trên Vịnh Thái Lan. Chúng tôi miễn cưỡng đồng ý. Hiểu chuyện, chị Tròn cần nhắc anh Xuân, anh Chính.

– Tại sao hai chú nhận cái bè? Đi như vậy nguy hiểm lắm. Tôi sợ biển lắm rồi!

Anh Xuân phân trần:

– Người ta đã nói rõ lý do không thể đưa mình tới đất liền được, mình không nên làm phiền người ta quá nhiều.

Chị Tròn không chịu:

– Tại sao chúng ta không ở lì trên tàu? Không có lý do họ quăng chúng ta xuống biển – Chị Tròn dẫn mạnh từng tiếng – Cứ ở lì trên tàu, họ phải đưa chúng ta vào bờ.

Anh Xuân lắc đầu thờ dãi. Anh Chính dụi dãi giải thích:

– Người ta là ân nhân của chúng ta. Chúng ta nên lịch sự, biết điều và thông cảm cho sự bất đắc dĩ họ mới phải làm thế.

Anh Tròn không có ý kiến gì. Từ lúc trên tàu anh Tròn lừ đừ ít nói và ít ăn uống. Thấy mọi người im lặng, lo lắng, anh Chính trấn an:

– Tôi đã được xem cái bè rồi. Bè vô cùng vững chắc và rất tốt.

Trong lúc nói chuyện với anh em thủy thủ, chúng tôi mới biết nơi chúng tôi được cứu cách Vũng Tàu 50 hải lý. Tàu chạy nhanh như vậy mà hai ngày mới tới vịnh Thái Lan. Từ lúc biết tin chúng tôi sẽ phiêu lưu trên cái bè ai nấy đều lo lắng, hồi hộp, ăn không ngon, ngủ không được. Chúng tôi sống trên tàu được hai ngày. Đến 2 giờ sáng ngày 21 tháng 6 các thủy thủ nhắc chúng tôi sửa soạn hành lý. Đến 4 giờ sáng tàu tới Vịnh Thái Lan và chúng tôi sẽ xuống bè tự bơi vào bờ.

Giờ phút thử thách sắp tới. Chúng tôi vô cùng hồi hộp. Hành trang của chúng tôi đã theo thuyền chìm xuống đáy biển. Chúng tôi hoàn toàn trắng tay, sống nhờ lòng tốt của thiên hạ. Tùy anh em thủy thủ nhắc chúng tôi sửa soạn hành lý, nhưng thực ra anh em đã sắp sẵn cho chúng tôi đủ rồi. Một gói gạo chừng 5 ký, một cái xô sắt tráng men chứa lưng xô sữa đặc, mấy hộp thịt, mấy hộp cá, hai ổ bánh mì, một lọ thuốc cảm, một gói quần áo, một cái đèn pin, một cây thuốc lá và mấy bao diêm. Anh bếp lén tặng chúng tôi một con dao có bao da rất đẹp.

Đúng 4 giờ sáng thì phúc phận đã điểm. Tàu ngừng hẳn, chúng tôi được dẫn lên boong. Cái bè từ từ hạ thủy. Một thủy thủ chỉ tay về phía đèn sáng và bảo chúng tôi: “Đó là ngọn hải đăng. Còn đây là Vịnh Thái Lan. Các anh cứ bơi thẳng tới nơi có đèn là tới bờ.” Chúng tôi cảm ơn ông thuyền trưởng Và thủy thủ đoàn đã cứu giúp chúng tôi. Giây phút từ giã, anh em còn căn dặn thêm: “từ giờ phút này các anh hãy quên chúng tôi đi nhé!”

Anh mắt anh em thủy thủ ai cũng có vẻ ái ngại, băn khoăn, lo lắng cho số phận của chúng tôi. Sau khi bắt tay chào từng người, chúng tôi rụt rè lần bước từng bậc thang xuống cái bè định mệnh.

Chúng tôi vừa bước xuống bè, con tàu từ từ rẽ sóng tiến thẳng. Bè do 4 thùng phuy hàn dính với nhau, kích thước lớn bằng cái chiếu. Trên 4 thùng phuy có một khung sắt. Tám ván ép đặt lên khung sắt. Bè làm khá vững chắc. Dây cáp cột rất cẩn thận. Trên bè có sẵn bốn cái bơi chèo và một thùng nước ngọt. Đêm tối ánh sáng hải đăng rất rõ. Bốn cái bơi chèo nhịp nhàng khuấy nước. Chúng tôi vững tâm.

Trời sáng dần. Hải đăng mờ dần. Khi vùng đông ló dạng, chúng tôi mới biết ngọn núi hải đăng xa lắm, bé tí teo. Ban ngày chúng tôi mới rõ cái bè tuy vững chắc nhưng thất cách. Vì nó hình vuông nên di chuyển rất khó. Cứ bơi ngược ba thước thì sóng đẩy lui lại 2 thước. Chúng tôi luôn tay bơi từ sáng đến chiều mà ngọn núi trước mặt vẫn còn xa mờ mịt.

Trời tối hẳn. Hải đăng lại tỏa sáng. Cái bè của chúng tôi cứ dập dềnh như đùa giỡn cùng sóng biển. Bất thần gặp luồng hải lưu cuốn cái bè trôi băng băng về bên tay trái. Ngọn hải đăng cứ lùi dần về bên phải. Một lúc sau chúng tôi không thấy ngọn hải đăng đâu nữa. Chán nản mỏi mệt, chúng tôi kẻ nằm người ngồi bó gối ngủ gục. Sáng hôm sau, chúng tôi gặp đoàn tàu đánh cá. Có lẽ thấy lạ nên họ đậu quanh chúng tôi. Họ ngắm nhìn hồi lâu rồi bỏ đi. Cùng lúc đó sóng gió đẩy bè trôi gần vào bờ. Chúng tôi lên tinh thần ráng sức bơi. Nhưng khi cách bờ chừng 300 mét sóng gió lại kéo bè ra không sao cưỡng lại được.

Bánh mì, đồ hộp sữa đã ăn hết, thùng nước ngọt 20 lít uống chỉ còn phân nửa. Đã hai ngày chúng tôi sống trôi nổi trên cái bè kỳ cục. Chiều 23 tháng 6 có một chiếc tàu Thái Lan đánh cá cứu chúng tôi bằng cách họ kéo cái bè vào hoang đảo. Sau này chúng tôi mới biết lúc bấy giờ chính phủ Thái Lan ban hành cấm cứu tàu tị nạn. Vì vậy nên tàu đánh cá không dám cho chúng tôi vào đất liền. Trước khi lên hoang đảo, chúng tôi được chủ tàu cho ăn cơm với cá kho.

Chúng tôi đặt chân lên hoang đảo lúc trời vừa tối. Nằm đất, nằm cát chúng tôi ngủ một giấc ngon lành. Sáng hôm sau mọi người tỉnh dậy mới biết hòn đảo nhỏ xíu, chiều dài chừng 300m chiều rộng chừng 200m. Trên đảo chỉ có cây cỏ dại. May mắn lúc đó vào mùa mưa. Khát, chúng tôi kiếm những tảng đá chũng đựng nước mưa, cúi xuống uống. Cái xô sắt trước đựng sữa đặc, giở dùng làm nồi cũng tạm được. Gối gạo nấu cháo mười người ăn được hai ngày. Hết gạo chúng tôi xuống bờ biển kiếm những con hào bám vào đá đập lấy ruột ăn.

Sau đó những con hào không còn, chúng tôi không biết lấy gì ăn. Những cây rau dại hoa vàng mọc trên đảo rất nhiều. Anh Xuân bảo đó là rau cúc tần, ăn được. Tôi chả biết rau cúc tần ra sao, nghe anh Xuân nói tôi tin và ra hái liền. Rau cúc tần nấu cháo đắng nghét, nhưng tôi cũng như mọi người cố gắng nuốt. Đêm nào tôi cũng bị đau bụng, tiêu chảy, nhưng ban ngày vẫn phải ăn cháo cúc tần.

Tàu Thái Lan qua lại đánh cá rất nhiều, nhưng không ai thèm để ý đến chúng tôi. Có một đêm hải tặc viếng hoang đảo. Bọn hải tặc lớ nhố tới hơn mười tên. Một tên có súng. Còn các tên khác cầm dao, cầm búa. Bọn cướp bắt chúng tôi ngồi tập trung một chỗ. Chúng đốt đuốc sáng rực. Lục soát không có gì đáng lấy. Chả hiểu nghĩ sao bọn cướp lại cho chúng tôi một gói cơm và một con cá nướng khá lớn. Trước khi rút lui, một tên cướp ngửa tay bắn lủng mấy cái thùng phuy dùng làm bè.

Chúng tôi sống trên hoang đảo đã mười ngày. Thấy chờ đợi mỏi mòn, vô vọng, anh Tròn bàn tính:

– Anh Xuân, anh Bào, chú Chính, ba người hãy tìm cách bơi vào đất liền. Đến nơi các anh báo cho chính quyền địa phương cứu gia đình tôi. Nếu tất cả chúng ta đều ở lại chờ đợi hão huyền thì chúng ta sẽ chết đói hết.

Anh Xuân gật đầu, lập lại lời anh tròn:

– Đúng. Chờ đợi hão huyền chúng ta sẽ chết đói hết.

Anh Chính cũng đồng ý và khen anh Tròn tính như vậy là phải lắm.

Từ hoang đảo tới đất liền tôi thấy khá xa, ước chừng đến mười cây số. Thấy anh Xuân và anh Chính đồng ý với anh Tròn nên tôi nghe theo. Riêng tâm tư tôi không khỏi ngại ngùng. Tôi sợ biển lắm rồi.

Kiểm được hai cây tre khô, chúng tôi cột lại làm phao. Sáng sớm ngày 23-6-79, Xuân, Chính, Bào từ già gia đình anh Tròn rồi vác dao hạ thủy. Trước khi chia tay, anh Tròn dặn đi dặn lại: “Tới đất liền các anh nhớ phát cái áo lên cho chúng tôi biết nhé”. Ba người bám vào hai cây tre, tay bơi, chân đạp. Có lúc chúng tôi bơi trong vùng biển san hô cửa đứt cả chân. Có lúc gặp luồng nước biển lạnh ngắt khác thường làm tôi rợn cả người. Trong khi bơi tôi cứ hay nghĩ đại, nếu vô phúc gặp cá mập nó tấp cho một miếng là đi đứt cặp giò. Tưởng tượng tôi không khỏi rùng mình lo sợ. Đến xế chiều quay lại nhìn hòn đảo nhỏ như một đốm ngón tay. Đất liền vẫn còn xa mù mịt. Ước chừng chúng tôi mới bơi được nửa đoạn đường. Bụng đói, lại vận động không ngừng suốt từ sáng đến chiều nên ba anh em mệt lả. Mệt đến nỗi tay chân không còn sức cử động nữa. Nước cuốn chúng tôi trôi sang bên phải.

Nhìn những cây xuất hiện xa xa, anh Xuân bảo đó là cây thốt nốt. Tôi hoảng sợ nếu lạc vào đất Miên thì coi như lao đầu vào chỗ chết. Biển nguy hiểm như thế chúng tôi cũng đành mặc cho nước cuốn đi. Sức tàn lực kiệt, chúng tôi như ba con cá ngáp ngáp trên mặt nước chờ chết. Sắp sửa vĩnh biệt cõi đời, tôi tỉnh táo và bình tĩnh niệm Phật. Tôi chỉ ân hận là không được chết trên quê hương, không được nhìn những người thân yêu cuối cùng trước khi đi vào giấc ngủ ngàn thu.

Trong giây phút tuyệt vọng đó, bỗng có tàu đánh cá xuất hiện, khi tàu đến bên cạnh chúng tôi mới biết. Trên tàu quăng giây xuống cho chúng tôi bám lấy. Chúng tôi vận dụng hết sức mới leo lên được sàn tàu. Lên đến nơi cả ba người nằm mệt thiếp đi.

Tỉnh dậy tôi thấy trời gần tối và tàu đang vào bến đậu. Thoát chết! Chúng tôi mừng khôn xiết. Tôi tưởng tượng ba người sẽ được chính quyền tiếp đón nồng hậu, săn sóc chu đáo, tử tế. Ngờ đâu chừng nửa giờ sau cảnh sát Thái Lan đến điệu chúng tôi và chủ tàu về bót thẩm vấn. Trong khi cảnh sát thẩm vấn chúng tôi báo ngoài hoang đảo còn một gia đình gồm 7 người. Chúng tôi yêu cầu họ cho tàu ra cứu.

Nghe chúng tôi báo cáo, họ im lặng. Sau một tiếng đồng hồ thẩm vấn, họ đưa bốn người từ bót về chi nhánh cảnh sát tỉnh Ryon. Nơi đó chúng tôi bị tổng giam vì tội nhập cảnh bất hợp pháp. Còn chủ tàu bị giam vì tội cứu người vượt biển và khi bị giam tôi thấy anh chủ tàu không tỏ vẻ gì oán trách tội tôi, ngược lại anh còn có vẻ hài lòng vì vừa làm được một việc thiện. Đêm hôm đó, bốn người chúng tôi bị nhốt trong cũi sắt với sáu phạm nhân khác. Trong lòng cũi sắt rộng bằng cái chiếu mà chứa đến mười người nên nghẹt bụng, phải ngồi bó gối thu hẹp lại mới đủ chỗ.

Sáng hôm sau chúng tôi bị công tay dẫn xuống phòng thẩm vấn. Sau đó, ba tên nhập cảnh bất hợp pháp được giam riêng trong một cũi sắt. Còn chủ tàu, ân nhân của chúng tôi, được thả về. Anh ta vô tội vì khai thấy ba người sắp chết đuối đều ở trần nên anh ta tưởng là người Thái. Chúng tôi ra dấu cảm ơn anh chủ tàu. Anh ta cũng làm dấu diễn tả cảm tưởng anh ta rất sung sướng vì làm được một việc thiện.

Bị giam cầm, chúng tôi còn phải chịu đói nữa. Bữa ăn, mỗi người được phát một chén cơm. Hàng ngày mỗi người được phát hai chén cơm. Đói rã rời! Đói thê thảm! Đêm nào cũng mơ được ăn cơm no bụng. Tỉnh dậy, tôi thấy miệng đang nhai nước miếng tóp tép. Chúng tôi bị nhốt trong bót cảnh sát tỉnh Ryon vừa tròn một tuần. Sau đó chúng tôi bị công tay dẫn lên xe chuyển đến nhà tù lớn thuộc tỉnh Chantaburi. Chúng tôi bị nhốt chung với các phạm nhân thuộc nhiều nước khác như Miến Điện, Miên, Lào...

Đến giờ ăn, thấy mỗi người bung một đĩa cơm, tội tôi cũng lấy mỗi người một đĩa. Anh Xuân vừa ăn được một miếng thì bị tên cai ngục giật lại. Hắn giật luôn cả đĩa cơm trên tay anh Chính và tay tôi. Hắn giải thích chúng tôi là tù mới chưa có phiếu ăn. Hắn bảo tội tôi đưa tiền hắn đi mua giùm. Chúng tôi làm gì có tiền, cũng chẳng có cái gì để bán được. Chúng tôi phải nhịn đói hai ngày mới được lãnh phần ăn đầu tiên.

Xuất cơm của nhà tù Chantaburi cho ăn cũng không hơn gì nhà tù Ryon. Chúng tôi vẫn đói liên miên thê thảm. Sau bữa ăn vẫn đói tôi gầy đến nỗi ngồi không vững. Tôi bị đi kiết lỵ nặng, mỗi lần đi cầu mất đến nửa lon máu tươi. Bệnh nặng như vậy mà không có thuốc. Tôi tưởng đã chết trong nhà tù Thái Lan. Trong nhà tù chỉ có ba người Việt Nam là đói nhất. Còn các phạm nhân khác một là họ có tiền mua cơm, mua quà bánh ăn thêm, hai là họ có thân nhân tiếp tế.

Tôi nhớ có một buổi đẹp trời, anh bạn tù người Cam Bốt tặng chúng tôi một gói cơm và mấy miếng đường. Ăn cơm nguội với đường ngon vô cùng. Tưởng như từ thửa chào đời đến giờ chưa được ăn món nào ngon như vậy.

Không khí trong nhà tù Chantaburi làm tinh thần tôi luôn bị khủng bố, đang nằm ngủ, nghe tiếng xích sắt loảng xoảng là tôi giật mình tỉnh dậy. Khi thì họ tổng thêm tù nhân vào, khi thì họ kêu tên và còng tay một vài người dẫn đi. Nhất là lúc 2, 3 giờ sáng, cảnh sát đến kêu tên tù nhân làm ai nấy nhón nhác lo sợ. Riêng tôi, mỗi lần diễn ra cảnh như vậy tôi sợ đến lạnh cả người.

Hồi 8 giờ sáng 25-7- 1979 cai tù đứng ngoài xong sắt kêu tên:

- Nguyễn Duy Xuân
- Nguyễn Duy Chính
- Nguyễn Hữu Bào

Chúng tôi hồi hộp nửa mừng nửa lo. Thấy họ dẫn đến văn phòng và chỉ ghé ngồi tôi mới yên tâm phần nào. Thư ký văn phòng bảo chúng tôi ký tên vào sổ và cho chúng tôi biết chúng tôi được trả tự do. Chúng tôi đi tìm tự do kể từ ngày 15-6 79, mãi đến 25-7 -79 chúng tôi mới được hưởng tự do, mới biết tự do quý như thế nào.

Chúng tôi được ngồi xe hơi và được cảnh sát chở đến trại tị nạn Leamsing, chúng tôi nhập trại hồi 4 giờ chiều 25-7 -79. Hơn 40 ngày xa quê hương, nay chúng tôi mới gặp lại đồng hương, mới được nghe tiếng mẹ đẻ yêu quen thuộc. Chân tôi bước vào trại mà tưởng chừng như không chạm đất.

Ngày hôm sau chúng tôi được phái đoàn Liên Hiệp Quốc phỏng vấn. Chúng tôi khai với phái đoàn là còn một gia đình gồm hai vợ chồng và năm đứa con nhỏ hiện còn trên hoang đảo. Hai ngày sau phái đoàn Liên Hiệp Quốc cho biết tin gia đình anh Đỗ Thanh Tròn chỉ có hai người sống sót là vợ và con gái anh Tròn. Mấy ngày sau mẹ con chị Tròn cũng được đưa đến trại Leamsing. Gặp chúng tôi chị Tròn mếu máo kể chuyện:

– Sau khi mấy chú đi rồi, chúng tôi chờ hoài không thấy tàu nào đến cứu. Anh Tròn quyết định kiếm tre khô làm bè đưa vợ con vào bờ...

Lau nước mắt chị Tròn kể tiếp:

– Anh Tròn ghép nhiều đoạn tre làm thành cái bè hình chữ nhật. Ảnh cho tôi cùng các cháu ngồi trên bè. Còn ảnh lội dưới nước vừa bơi vừa đẩy bè đi.

Chúng tôi im lặng chăm chú nghe. Giọng chị Tròn nghẹn ngào dầm lệt:

– Tôi nghiệp! Ảnh sợ tụi nhỏ rớt xuống biển nên phải cột từng đứa dính liền với bè tre. Chờ thủy triều lên ảnh mới thả bè xuống nước. Nhờ nước triều lên bè trôi khá nhanh...

Kể đến đây chị Tròn nghẹn ngào không nói nên lời. Tôi cũng không ngăn được những dòng nước mắt thương cảm. Tôn trọng sự đau khổ của người vợ mất chồng, người mẹ một lần mất bốn đứa con, chúng tôi ngồi yên lặng.

– Thảm lắm! Các chú có biết không? Trên mặt biển các con tôi cứ chết dần...chết dần từng đứa

– Chị Tròn vừa khóc vừa nói – Tội nghiệp! Thằng Doãn nó nói “Ba giết tụi con rồi. Ba ơi!”

Chị Tròn khóc hu hu. Chúng tôi không biết nói sao an ủi chị. Hy vọng những giọt nước mắt khiến nỗi đau khổ lắng xuống, những giọt nước mắt sẽ xoa dịu dần vết thương lòng.

– Đẩy được cái bè đến gần bờ, ảnh đứng mực nước tới ngực rồi. Nhưng vì kiệt lực nên anh xỉu rồi chết luôn.

Từ nãy đến giờ chúng tôi không dám hỏi một câu.

– Xác năm cha con đưa vào nhà thiêu. Còn tôi với cháu Trinh được xe cứu thương đưa vào bệnh viện.

Kết thúc câu chuyện quá đau thương, chị Tròn căn dặn chúng tôi:

– Mấy chú có viết thư về Sài Gòn xin đừng nhắc đến gia đình tôi. Coi như chúng tôi mất tích.

Nguyễn Hữu Bào (Sài Gòn trong tôi)

Nguồn: https://groups.google.com/d/msgid/tieng-quehuong/CAAqdPnXgdN%3DoTHCHXogJMKn_vG66-TW5f6zCNtgNpmZYJfVkBQ%40mail.gmail.com.

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VIỆT NAM VĂN HIẾN ON LINE VỚI HƠN 10200 TÁC PHẨM